

Bản án số: 304/2023/DS-PT  
Ngày: 30-6-2023  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Nguyễn Ngọc Thông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 474/2022/TLPT- DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn P, sinh năm 1944 (chết 31/3/2023).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

- ***Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P:***

***1.1. Bà Lương Thị M, sinh năm: 1948;***

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

***1.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1976;***

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

***1.3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1974;***

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

***1.4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1979;***

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

1.5. Bà Lê Thanh M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Hậu M, huyện C, tỉnh T.

1.6. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

1.7. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

1.8. Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Lương Thị M, bà Lê Thị T, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, bà Lê Thanh M, ông Lê Thanh N, ông Lê Thanh N, ông Lê Hoàng T là anh Nguyễn Tý H, sinh năm 1990; Địa chỉ: phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2023). (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Cao H, Công ty Luật TNHH MTV T và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Nguyễn Văn K là bà Lê Thị L, sinh năm 1977 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2022). (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 1, xã Bình T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Đinh Thị P, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp Tân Thuận B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà P là ông Lê Ngọc T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 64, Khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023). (Có mặt)

3.2. Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C là bà Đinh Thị P (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2022). (Vắng mặt)

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn K là bị đơn; Bà Đinh Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện cho nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày*: Khoảng năm 1990, Nhà nước thu hồi quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn M và cấp lại cho ông P diện tích khoảng 20.488m<sup>2</sup>. Năm 1995, ông P được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/8/1995, do ông P đứng tên.

Thời điểm được cấp đất thì đất còn hoang hóa, ông P khai phá một phần để sử dụng, còn lại một phần chưa khai phá. Đến năm 2003, ông K (cháu nội cụ M) đưa máy trục vào khai hoang phần đất mà ông P chưa khai phá (hiện nay là phần đất đang tranh chấp). Năm 2004, ông K giao cho ông Nguyễn Tấn M (con cụ M) trực tiếp quản lý, sử dụng. Cùng thời điểm năm 2004, ông P yêu cầu UBND xã Bình T giải quyết, ông P yêu cầu ông M trả thửa đất số 841 và thửa đất số 845, cùng tờ bản đồ số 3, ông P đồng ý trả thành quả lao động cho ông M với số tiền 1.000.000 đồng/1.000m<sup>2</sup> nhưng ông M không đồng ý nên hòa giải không thành. Sau đó, ông M giao lại cho ông K quản lý, sử dụng đến nay.

Sau khi hòa giải năm 2004, ông P bị thất lạc giấy tờ nên không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết. Đến năm 2022, ông P có yêu cầu UBND xã Bình T giải quyết lại. Ngày 14/3/2022, UBND xã Bình T tiến hành hòa giải, ông P yêu cầu ông K trả cho ông P thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.121m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 2.322,8m<sup>2</sup>) và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.150m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 1.343,7m<sup>2</sup>), ông P đồng ý hỗ trợ cho ông K số tiền 66.500.000đồng nhưng ông K không đồng ý nên hòa giải không thành.

Hiện nay, ông K trực tiếp quản lý thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3; hàng thừa kế của ông M gồm: Bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C trực tiếp quản lý thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3.

Ông P thống nhất với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2022, Biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2022, Sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

Nay, ông P yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C liên đới di dời cây trồng trên đất và trả cho ông P thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.322,8m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.343,7m<sup>2</sup>, loại đất chuyên dùng khác, tọa lạc tại ấp 1, xã Bình T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông P tự nguyện hỗ trợ cho ông K chi phí cải tạo đất với số tiền 50.000.000đồng; cho bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C chi phí cải tạo đất với số tiền 50.000.000đồng.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:** Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn M (ông nội ông) khai phá. Khoảng năm 1945, cụ M khai mở khoảng 50 công, sử dụng từ năm 1945 đến năm 1961, do trong thời điểm chiến tranh nên không tiếp tục sử dụng. Khoảng năm 1990, Nhà nước thực hiện chính sách phân chia ruộng đất nên đã thu hồi toàn bộ đất của cụ M và phân chia cho ông P.

Tuy nhiên, ông P không sử dụng hết đất, phần địa, bào và sân phơi lúa trước đây của cụ M thì không sử dụng, hiện nay là phần đất tranh chấp. Năm 1997, ông có thuê máy ủi tiến hành san lấp phần địa, bào nhưng ông chỉ sang lấp giùm cho ông Nguyễn Tấn M.

Sau khi san lấp xong, ông M sử dụng đến năm 2000 thì cho ông thuê theo giá thuê đất hàng năm tại địa phương. Việc ông thuê đất của ông M sử dụng thì có phát sinh tranh chấp với ông P vào năm 2004. Sau đó, ông tiếp tục sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp cho đến nay. Đến tháng 3/2022, ông P tiếp tục tranh chấp và yêu cầu UBND xã Bình T giải quyết nhưng không thành.

Ông M đã chết năm 2015, vợ ông M là Đinh Thị P; các con của bà P và ông M gồm: Bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C.

Hiện nay, ông trực tiếp quản lý một phần thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, có hiện trạng là ao (địa) lạng, trên bờ ao ông có trồng 01 cây Gáo và 15 cây Dừa. Hàng thửa kế của ông M gồm: Bà P, bà T, ông D, bà L, bà P, bà T, chị T, anh C trực tiếp quản lý một phần thửa đất số 841 và toàn bộ thửa đất số 845, cùng tờ bản đồ số 3, có hiện trạng là đất trồng lúa. Nay, ông không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ **Bà Đinh Thị P trình bày:** Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn M (cha chồng bà P) khai phá. Khoảng năm 1945, cụ M khai mở khoảng 50 công, sử dụng từ năm 1945 đến năm 1961, do trong thời điểm chiến tranh nên không tiếp tục sử dụng. Năm 1990, Nhà nước thực hiện chính sách phân chia ruộng đất nên đã thu hồi toàn bộ đất của cụ M và phân chia cho ông P.

Tuy nhiên, ông P không sử dụng hết đất, phần địa, bào và sân phơi lúa trước đây của cụ M thì không sử dụng, hiện nay là phần đất tranh chấp. Năm 1997,

chồng bà P là ông Nguyễn Tấn M nhờ ông K thuê máy ủi tiến hành san lấp phần địa, bảo giữ ông M.

Sau khi san lấp xong, ông inh sử dụng đến năm 2000 thì cho ông K thuê theo giá thuê đất hàng năm tại địa phương. Việc ông M sử dụng đất thì có phát sinh tranh chấp với ông P vào năm 2004. Sau đó, ông M tiếp tục cho ông K thuê phần đất tranh chấp đến nay.

Ông M chết năm 2015, vợ ông M là Đinh Thị P; các con của bà P và ông M gồm: Bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C.

Hiện nay, ông K trực tiếp quản lý một phần thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, có hiện trạng là ao (địa) lạng, trên bờ ao ông kết có trồng 01 cây Gáo và 15 cây Dừa. Hàng thừa kế của ông M gồm: Bà P, bà T, ông D, bà L, bà P, bà Th, chị T, anh C trực tiếp quản lý một phần thửa đất số 841 và toàn bộ thửa đất số 845, cùng tờ bản đồ số 3, có hiện trạng là đất trồng lúa. Bà P và các con bà P cho ông K thuê theo giá thuê đất hàng năm tại địa phương. Nay, bà P không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

+ **Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C ủy quyền cho bà Đinh Thị P trình bày:** Bà T, bà L, bà P, bà Th, chị T và anh C thống nhất về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và thống nhất với ý kiến của bà P là không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

+ **Ông Nguyễn Văn D trình bày:** Ông thống nhất về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và thống nhất với ý kiến của bà P là không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án huyện T tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

+ Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C liên đới giao cho ông P thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.322,8m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.343,7m<sup>2</sup>, loại đất chuyên dùng khác, cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Bình T, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00855.QSĐĐ/A4, cấp ngày 20/8/1995, do Lê Văn P đứng tên, trong phạm vi các mốc M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19 trở về mốc M11 và các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M21, M20, M22, M23 trở về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

+ Buộc ông Nguyễn Văn K di dời toàn bộ cây trồng ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho ông P theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2022, Biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2022, Sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn K số tiền 50.00.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P hỗ trợ cho bà Đinh Thị hỉ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C số tiền 50.00.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Đinh Thị P được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.711.000 đồng (Chín triệu bảy trăm mười một nghìn đồng).

- Trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010256, ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Về chi phí tố tụng:* Ông Lê Văn P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), chi phí Hợp đồng đo đạc là 4.848.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng), tổng cộng là 5.248.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) do ông P nộp tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2022 ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông K, bà P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nhưng bà P có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại việc Ủy ban nhân dân xã Bình T cấp đất cho ông P có đúng quy định hay không.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông K, bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Thừa đất số 841, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.322,8m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.343,7m<sup>2</sup>, loại đất chuyên dùng khác, cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Bình T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn M là ông nội ông K khai phá vào năm 1945 khoảng 50 công. Cụ M canh tác đến năm 1961 do chiến tranh nên cụ không tiếp tục canh tác được. Đến khoảng năm 1990, Nhà nước thực hiện chính sách đất đai, nên đã thu hồi toàn bộ phần đất của cụ M bỏ hoang để cấp lại cho các hộ dân không có đất canh tác trong đó có ông Lê Văn P.

Trong quá trình sử dụng, ông P đã đi kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/8/1995, do ông đứng tên. Việc ông P sử dụng đất ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 không ai tranh chấp và theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất vào ngày 15/8/1994 của ông P cũng thể hiện nguồn gốc đất là được cấp. Vì vậy, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông P buộc ông K, bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ cây trồng có trên đất. Cụ thể: Trên phần đất thuộc một phần thửa số 841, ông K đã trồng 15 cây Dừa và 01 cây Gáo để giao trả lại cho ông P thửa đất số 841, diện tích 2.322,8m<sup>2</sup> và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.343,7m<sup>2</sup>, là phù hợp theo quy định tại các Điều 163, Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 luật đất đai năm 2013.

[2] Tại phiên tòa ông P tự nguyện hỗ trợ chi phí cải tạo đất cho ông K số tiền 50.000.000 đồng và hỗ trợ cho bà P, bà T, ông D, bà L, bà P, bà Túy, chị T, anh C số tiền 50.000.000 đồng, án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện trên của ông P là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông K, bà P là không có căn cứ để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông K, bà P phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng do bà P là người cao tuổi, có đơn xin miễn, nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí cho bà P.

[3] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị P.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 100/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P là bà Lương Thị M, bà Lê Thị C, bà Lê Thị T, ông Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T).

+ Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C liên đới giao cho ông P (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P là bà Lương Thị M, Lê Thị C, Lê Thị Th, Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T) thửa đất số 841, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.322,8m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.343,7m<sup>2</sup>, loại đất chuyên dùng khác cùng tọa lạc tại ấp 1, xã Bình T, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00855.QSĐĐ/A4, cấp ngày 20/8/1995, do ông Lê Văn P đứng tên, trong phạm vi các mốc M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19 trở về mốc M11 và các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M21, M20, M22, M23 trở về mốc M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B.

+ Buộc ông Nguyễn Văn K di dời toàn bộ cây trồng ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho ông P những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của

ông P là bà Lương Thị M, Lê Thị Ch, Lê Thị T, Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2022, biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2022, sơ đồ đo đạc ngày 04/8/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc B).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P là bà Lương Thị M, Lê Thị C, Lê Thị T, Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T) hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn K số tiền 50.000.000 đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P là bà Lương Thị M, Lê Thị C, Lê Thị T, Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T) hỗ trợ cho bà Đinh Thị P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị P được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Tấn C liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.711.000 đồng.

- Trả cho ông Nguyễn Văn P (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P là bà Lương Thị M, Lê Thị C, Lê Thị T, Lê Văn T, Lê Thanh M, Lê Thanh N, Lê Thanh N, Lê Hoàng T) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010256, ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 400.000 đồng, chi phí hợp đồng đo đạc là 4.848.000 đồng, tổng cộng là 5.248.000 đồng (do ông P nộp tạm ứng và đã chi xong).

8. Về án phí phúc thẩm:

- Miễn tiền án phí cho bà Đinh Thị P.

- Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 001041 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (ông K đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**